

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO

**Triệu tập thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn
tham dự vòng 2 Kỳ xét tuyển viên chức năm 2024
của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia**

Căn cứ kết quả kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức năm 2024 của Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển;

Căn cứ kết quả kiểm tra, sát hạch tiếng Anh theo yêu cầu của vị trí việc làm tuyển dụng đối với thí sinh không kê khai năng lực, trình độ tiếng Anh,

Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2024 Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện tham dự vòng 2 Kỳ xét tuyển viên chức năm 2024 (*Danh sách đính kèm*) theo nội dung sau:

1. Thời gian xét tuyển: Ngày 25 tháng 10 năm 2025; Khai mạc: 7h30.

2. Địa điểm: Tại trụ sở Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia (Địa chỉ: Số 65 phố Phạm Thận Duật, phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội).

3. Hình thức xét tuyển:

- Thực hành: Đối với các vị trí Nghiên cứu viên, Trợ lý nghiên cứu.
- Phỏng vấn: Đối với các vị trí Chuyên viên về quản trị công sở, Cán sự về hành chính - văn phòng.

4. Thời gian yêu cầu:

- Thực hành: Không quá 150 phút đối với vị trí Nghiên cứu viên; không quá 90 phút đối với vị trí Trợ lý nghiên cứu (theo từng đề cụ thể).

- Phỏng vấn: Không quá 30 phút (thời gian dành cho thí sinh chuẩn bị không quá 15 phút trước khi bắt đầu phỏng vấn).

5. Lệ phí: 500.000 đồng/ thí sinh (*Bằng chữ: Năm trăm nghìn đồng chẵn*).

Thí sinh tham dự xét tuyển vòng 2 hoàn thành đóng lệ phí trước thời điểm khai mạc Kỳ xét tuyển (*Liên hệ Hội đồng tuyển dụng theo số điện thoại: 02439335741*).

6. Danh mục tài liệu ôn tập cho thí sinh (*kèm theo*).

Đề nghị các thí sinh mang theo Căn cước công dân hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ khác theo quy định hiện hành và có mặt đúng thời gian, địa điểm tổ chức vòng 2 Kỳ xét tuyển.

Trân trọng thông báo./. *đ*

Nơi nhận:

- Các thí sinh dự xét tuyển;
- Vụ TCCB (để b/cáo);
- Viện trưởng (để b/cáo);
- Website Viện (để đăng tin);
- Lưu: VT, HSTD.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH**



Lê Thị Phương Thảo
Phó Viện trưởng

VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN
VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2025

DANH SÁCH
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN ĐƯỢC THAM DỰ VÒNG 2
(Kèm theo Thông báo số 697 /TB-HĐTD ngày 10 tháng 10 năm 2025
của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2024 Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Vị trí đăng ký tuyển dụng	Đơn vị đăng ký tuyển dụng	Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ							
1.	Nguyễn Kiều Anh		30/01/1995	Kinh	Trợ lý nghiên cứu	Khoa Độc học và dị nguyên	Dược sĩ cao đẳng	Tiếng Anh B1	Không	
2.	Lê Thị Kim Anh		14/8/2000	Kinh	Nghiên cứu viên	Khoa Nghiên cứu và phát triển	Dược sĩ đại học	Tiếng Anh B1	Không	
3.	Kiều Vân Anh		14/12/2001	Kinh	Nghiên cứu viên	Khoa Độc học và dị nguyên	Cử nhân Hóa học	Tiếng Anh B2	Không	
4.	Nguyễn Thành Đạt	24/11/2002		Kinh	Trợ lý nghiên cứu	Khoa Kim loại và vi khoáng	Cao đẳng Dược	Tiếng Anh B1	Không	
5.	Nguyễn Hoàng Giang		16/4/2001	Kinh	Trợ lý nghiên cứu	Khoa Dinh dưỡng và phụ gia thực phẩm	Cao đẳng Dược	Tiếng Anh A2	Không	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Vị trí đăng ký tuyển dụng	Đơn vị đăng ký tuyển dụng	Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ							
6.	Phạm Ngọc Hà		04/11/1999	Kinh	Nghiên cứu viên	Khoa Vi sinh và biến đổi gen	Thạc sĩ Công nghệ sinh học chuyên ngành Y sinh	Tiếng Anh B2	Không	
7.	Đỗ Thị Hà		29/8/1992	Kinh	Chuyên viên về quản trị công sở	Phòng Kế hoạch, Vật tư và Công nghệ thông tin	Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng	Tiếng Anh bậc 2	Không	
8.	Trần Huy Hiếu	31/5/2002		Kinh	Nghiên cứu viên	Khoa Tồn dư và ô nhiễm hóa chất	Cử nhân Khoa học Dinh dưỡng và Thực phẩm	IELTS 8.0	Không	
9.	Lê Thanh Huyền		10/7/2001	Kinh	Nghiên cứu viên	Khoa Tồn dư và ô nhiễm hóa chất	Đại học ngành Hóa dược	Tiếng Anh B2	Không	
10.	Vương Quỳnh Hoa		01/9/2001	Kinh	Nghiên cứu viên	Khoa Tồn dư và ô nhiễm hóa chất	Cử nhân Hóa học	Tiếng Anh C1	Không	
11.	Nguyễn Thị Thanh Hoa		15/10/1990	Kinh	Trợ lý nghiên cứu	Khoa Độc học và dị nguyên	Cao đẳng Dược	Tiếng Anh bậc 3	Không	

Y
VI
LM H
TOAN
THUC
QUO

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Vị trí đăng ký tuyển dụng	Đơn vị đăng ký tuyển dụng	Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	Ghi chú
		Năm	Nữ							
12.	Trịnh Ngọc Khánh	24/8/1996		Kinh	Cán sự Hành chính – Văn phòng	Trung tâm Dịch vụ khoa học kỹ thuật	Cử nhân Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	Vị trí tuyển dụng không yêu cầu về ngoại ngữ	Không	Chứng chỉ Kỹ năng, nghiệp vụ Hành chính – Văn phòng và Văn thư – Lưu trữ
13.	Phạm Văn Khuê	14/01/2001		Kinh	Nghiên cứu viên	Khoa Tồn dư và ô nhiễm hóa chất	Cử nhân Hóa học	Tiếng Anh B1	Không	
14.	Nguyễn Thị Thu Minh		04/5/1994	Kinh	Nghiên cứu viên	Khoa Nghiên cứu và phát triển	Thạc sĩ Hóa hữu cơ	TOEIC 560; Tiếng Anh trình độ B	Không	
15.	Trịnh Yến Nhi		13/7/2000	Kinh	Nghiên cứu viên	Khoa Dinh dưỡng và phụ gia thực phẩm	Kỹ sư Kỹ thuật hóa học	Tiếng Anh B2	Không	
16.	Phạm Minh Phương		26/9/2001	Kinh	Nghiên cứu viên	Khoa Dinh dưỡng và phụ gia thực phẩm	Cử nhân Công nghệ thực phẩm	Tiếng Anh bậc 4	Không	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Vị trí đăng ký tuyển dụng	Đơn vị đăng ký tuyển dụng	Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Ưu tiên	Ghi chú
		Nam	Nữ							
17.	Bùi Phương Thảo		14/9/1998	Kinh	Nghiên cứu viên	Khoa Dinh dưỡng và phụ gia thực phẩm	Cử nhân Công nghệ thực phẩm	Sát hạch tiếng Anh đạt yêu cầu	Không	
18.	Đào Thị Thùy		26/11/1986	Kinh	Nghiên cứu viên	Khoa Dinh dưỡng và phụ gia thực phẩm	Thạc sĩ Dược học	Tiếng Anh B1	Không	
19.	Nguyễn Ánh Tuyết		30/8/2001	Kinh	Nghiên cứu viên	Khoa Nghiên cứu và phát triển	Cử nhân Hóa dược	Tiếng Anh B2	Không	

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG



Nguyễn Việt Đức

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH



Lê Thị Phương Thảo



DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP CHO THÍ SINH

KỶ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2024

VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA

(Kèm theo Thông báo số 697 /TB-HĐTD ngày 10 tháng 10 năm 2025

của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2024 Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia)

Tài liệu ôn tập

Vị trí việc làm tuyển dụng	Đơn vị tuyển dụng	
Nghiên cứu viên	Khoa Vi sinh và biến đổi gen	1. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6404:2016 vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi - yêu cầu chung và hướng dẫn kiểm tra vi sinh vật 2. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6505-1:2007 sữa và sản phẩm sữa - định lượng escherichia coli giả định - phần 1: kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất sử dụng 4 -metylumbelliferyl-b-d-glucuronit (MUG) 3. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6505-2:2007 sữa và sản phẩm sữa - định lượng Escherichia coli giả định - phần 2: kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 44 0c sử dụng màng lọc 4. Tiêu chuẩn quốc gia tcvn 10780-1:2017 vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm - phương pháp phát hiện, định lượng và xác định typ huyết thanh của salmonella - phần 1: phương pháp phát hiện salmonella spp 5. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4830-1:2005 vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi - phương pháp định lượng staphylococci có phản ứng dương tính với coagulase (staphylococcus aureus và các loài khác) trên đĩa thạch - phần 1: kỹ thuật sử dụng môi trường thạch baird-parker 6. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN4830-2: 2005 vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi - phương pháp định lượng staphylococci có phản ứng dương tính coagulase (staphylococcus aureus và các loài khác) trên đĩa thạch - phần 2: kỹ thuật sử dụng môi trường thạch fibrinogen huyết tương thỏ 7. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN4830-3:2005 vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi - phương pháp định lượng staphylococci có phản ứng dương tính với coagulase (staphylococcus aureus và các loài khác; trên đĩa thạch - phần 3: phát hiện và dùng kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất (mpn) để đếm số lượng nhỏ 8. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7700-1:2007 vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi - phương pháp phát hiện và định lượng listeria monocytogenes - phần 1: phương pháp phát hiện 9. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7700-2:2007 vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi - phương pháp phát hiện và định lượng listeria monocytogenes - phần 2: phương pháp định lượng 10. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4884-1:2015 vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm - phương pháp định lượng vi sinh vật - phần 1: đếm khuẩn lạc ở 30 độ c bằng kỹ thuật đổ đĩa

Vị trí việc làm tuyển dụng	Đơn vị tuyển dụng	Tài liệu ôn tập
		11. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4884-2:2015 vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm - phương pháp định lượng vi sinh vật - phần 2: đếm khuẩn lạc ở 30 độ c bằng kỹ thuật cấy bề mặt 12. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6507-1:2019 vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm - chuẩn bị mẫu thử, huyền phù ban đầu và các dung dịch pha loãng thập phân để kiểm tra vi sinh vật - phần 1: các nguyên tắc chung để chuẩn bị huyền phù ban đầu và các dung dịch pha loãng thập phân 13. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6507-2:2019 vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm - chuẩn bị mẫu thử, huyền phù ban đầu và các dung dịch pha loãng thập phân để kiểm tra vi sinh vật - phần 2: các nguyên tắc cụ thể để chuẩn bị các mẫu thịt và sản phẩm thịt 14. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6507-3:2019 vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm - chuẩn bị mẫu thử, huyền phù ban đầu và các dung dịch pha loãng thập phân để kiểm tra vi sinh vật - phần 3: các nguyên tắc cụ thể để chuẩn bị các mẫu thủy sản và sản phẩm thủy sản 15. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6507-4:2019 vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm - chuẩn bị mẫu thử, huyền phù ban đầu và các dung dịch pha loãng thập phân để kiểm tra vi sinh vật - phần 4: các nguyên tắc cụ thể để chuẩn bị các mẫu sản phẩm hỗn hợp 16. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6507-5:2019 vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi - chuẩn bị mẫu thử, huyền phù ban đầu và dung dịch pha loãng thập phân để kiểm tra vi sinh vật - phần 5: các nguyên tắc cụ thể để chuẩn bị mẫu sữa và sản phẩm sữa 17. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6507-6:2019 vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi – chuẩn bị mẫu thử, huyền phù ban đầu và dịch pha loãng thập phân để kiểm tra vi sinh vật – phần 6: các nguyên tắc cụ thể để chuẩn bị mẫu được lấy từ giai đoạn sản xuất ban đầu
Nghiên cứu viên	Khoa Độc học và dị nguyên	Các lý thuyết và thực hành mẫu liên quan đến các nội dung sau: 1. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7886:2009 Rượu chưng cất - xác định hàm lượng furfural 2. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6058 :1995 Bia. Phương pháp xác định diacetyl và các chất diceton khác 3. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9523:2012 Thực phẩm – xác định Patulin trong nước quả và puree quả 4. Các phương pháp phân tích DHEA trong TPBVSK. Ví dụ Simona Martello, Marialinda Felli, Marcello Chiarotti, (2006), “Validation of a LC-MS-MS method for anabolic steroids in nutritional supplements”, Food Additives and Contaminants, p. 1-18.
Nghiên cứu viên	Khoa Tồn dư và ô nhiễm hóa chất	1. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14148:2024 Thuốc bảo vệ thực vật - xác định hàm lượng hoạt chất bằng phương pháp sắc ký khí

Vị trí việc làm tuyển dụng	Đơn vị tuyển dụng	Tài liệu ôn tập
		2. EPA method 551.1: determination of chlorination disinfection byproducts, chlorinated solvents, and halogenated pesticides/herbicides in drinking water by liquid-liquid extraction and gas chromatography with electron-capture detection 3. EPA method 552.2: determination of haloacetic acids and dalapon in drinking water by liquid-liquid extraction, derivitization and gas chromatography with electron capture detection 4. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9475: 2012 Thuốc bảo vệ thực vật chứa hoạt chất abamectin - yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử 5. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8145:2009 Thuốc bảo vệ thực vật - xác định hàm lượng hoạt chất chlorothalonil 6. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8381:2010 Thuốc bảo vệ thực vật chứa hoạt chất hexaconazole – yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử 7. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9482:2012 Thuốc bảo vệ thực vật chứa hoạt chất tebuconazole - yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử 8. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8383:2010 Thuốc bảo vệ thực vật chứa hoạt chất azadirachtin – yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử 9. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10986: 2016 Thuốc bảo vệ thực vật chứa hoạt chất azoxystrobin - yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử 10. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11735: 2016 Thuốc bảo vệ thực vật - xác định hàm lượng hoạt chất butachlor 11. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9477:2012 Thuốc bảo vệ thực vật chứa hoạt chất buprofezin - yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử 12. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11734:2016 Thuốc bảo vệ thực vật - xác định hàm lượng hoạt chất lufenuron 13. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12476:2018 Thuốc bảo vệ thực vật - xác định hàm lượng hoạt chất chlorantraniliprole bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao 14. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11730:2016 Thuốc bảo vệ thực vật - xác định hàm lượng hoạt chất imidacloprid 15. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8143:2009 Thuốc bảo vệ thực vật – xác định hàm lượng hoạt chất cypermethrin 16. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10981:2016 Thuốc bảo vệ thực vật chứa hoạt chất quinclorac - yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử 17. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12474:2018 Thuốc bảo vệ thực vật - xác định hàm lượng hoạt chất chlorpyrifos ethyl 18. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8750:2014 Thuốc bảo vệ thực vật chứa hoạt chất deltamethrin – yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử

Vị trí việc làm tuyển dụng	Đơn vị tuyển dụng	Tài liệu ôn tập
Nghiên cứu viên	Khoa Dinh dưỡng và phụ gia thực phẩm	1. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9518:2012 về Thực phẩm - Xác định axit benzoic và axit sorbic- Phương pháp sắc kí khí 2. TCVN 7810:2007. Sản phẩm rau, quả - Xác định hàm lượng axit benzoic (hàm lượng axit benzoic lớn hơn 200 mg trên lít hoặc trên kilogam) - Phương pháp đo phổ hấp thụ phân tử 3. TCVN 8122:2009. Sản phẩm rau, quả. Xác định nồng độ axit benzoic và axit sorbic. Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao 4. TCVN 6428:2007. Rau, quả và sản phẩm rau, quả - Xác định hàm lượng axit benzoic - Phương pháp quang phổ 5. TCVN 10032:2013. Thực phẩm - Xác định aspartame trong các chế phẩm tạo ngọt - Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao 6. TCVN 8471:2010. Thực phẩm - Xác định Acesulfame-K, aspartame và sacarin - Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao 7. TCVN 10992:2015. Thực phẩm - Xác định acesulfame-k, aspartame, neohesperididine-dihydrochalcone và saccharin - Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao 8. TCVN 10993:2015. Thực phẩm - Xác định đồng thời chín chất tạo ngọt bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao sử dụng detector tán xạ bay hơi 9. TCVN 10033:2013. Thực phẩm - Xác định cyclamate và saccharin trong các chế phẩm tạo ngọt dạng lỏng - Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao 10. TCVN 10993:2015 (EN 15911:2010) về Thực phẩm - Xác định đồng thời chín chất tạo ngọt bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao sử dụng detector tán xạ bay hơi 11. TCVN 8472:2010 (EN 12857 : 1999) về Thực phẩm - Xác định cyclamate - Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao 12. TCVN 10031:2013 (EN 1377:1996) về Thực phẩm – Xác định acesulfame K trong các chế phẩm tạo ngọt – Phương pháp đo phổ 13. TCVN 10992:2015 (CEN/TS 15606:2009) về Thực phẩm - Xác định acesulfame-K, Aspartame, Neohesperidine-dihydrochalcone và Saccharin - Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao 14. TCVN 10030:2013 (EN 1376:1996) về Thực phẩm – Xác định Saccharin trong các chế phẩm tạo ngọt – Phương pháp đo phổ 15. TCVN 7140:2025 (ISO 13496:2021) về Thịt và sản phẩm thịt - Phát hiện và xác định phẩm màu

Vị trí việc làm tuyển dụng	Đơn vị tuyển dụng	Tài liệu ôn tập
		16. TCVN 8102:2009 (ISO 9231 : 2008) về Sữa và sản phẩm sữa - Xác định hàm lượng axit benzoic và axit sorbic 17. TCVN 6428:2007 (ISO 5518:2007) về rau, quả và sản phẩm rau, quả - xác định hàm lượng axit benzoic - phương pháp quang phổ 18. TCVN 7807:2013 (ISO 5519:2008) về Rau, quả và sản phẩm rau quả - Xác định hàm lượng axit sorbic 19. TCVN 8102:2009 (ISO 9231 : 2008) về Sữa và sản phẩm sữa - Xác định hàm lượng axit benzoic và axit sorbic 20. TCVN 7807:2007 (ISO 5519:1978) về rau, quả và sản phẩm rau, quả - Xác định hàm lượng axit sorbic 21. TCVN 11671:2016 về Thức ăn công thức dành cho trẻ sơ sinh và sản phẩm dinh dưỡng dành cho người lớn - Xác định vitamin D2 và vitamin D3 - Phương pháp sắc ký lỏng - Phổ khối lượng hai lần (LC-MS/MS) 22. TCVN 11668:2016 (ISO 20633:2015) về Thức ăn công thức dành cho trẻ sơ sinh và sản phẩm dinh dưỡng dành cho người lớn - Xác định vitamin A và vitamin E bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao pha thường 23. TCVN 12349:2018 (EN 14164:2014) về Thực phẩm - Xác định vitamin B6 bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao 24. TCVN 5164:2018 (EN 14122:2014) về Thực phẩm - Xác định vitamin B1 bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao 25. TCVN 8975:2018 (EN 14152:2014) về Thực phẩm - Xác định vitamin B2 bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao 26. TCVN 11673:2016 về Sữa công thức dành cho trẻ sơ sinh - Xác định cobalamin (hoạt độ vitamin B12) - Phương pháp đo độ đục 27. TCVN 11675:2016 về Sữa công thức dành cho trẻ sơ sinh - Xác định vitamin D3(cholecalciferol) - Phương pháp sắc ký lỏng 28. TCVN 8276:2018 (EN 12822:2014) về Thực phẩm - Xác định vitamin E bằng ký sắc lỏng hiệu năng cao - Định lượng α-, β-, γ- và δ- tocopherol 29. TCVN 9514:2012 về Thực phẩm - Xác định vitamin B12 bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) 30. TCVN 9514:2017 (ISO 20634:2015) về Thức ăn công thức dành cho trẻ sơ sinh và thực phẩm dinh dưỡng cho người lớn - Xác định vitamin B12 bằng sắc kí lỏng hiệu năng cao pha đảo (RP-HPLC) 31. TCVN 8974:2011 (EN 14148 : 2003) về Thực phẩm - Xác định vitamin K1 bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) 32. TCVN 8977:2011 (EN 14130 : 2003) về Thực phẩm - Xác định vitamin C bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)

Vị trí việc làm tuyển dụng	Đơn vị tuyển dụng	Tài liệu ôn tập
		33. TCVN 9124:2011 (ISO 6867:2000) về Thức ăn chăn nuôi - Xác định hàm lượng vitamin E - Phương pháp sử dụng sắc ký lỏng hiệu năng cao 34. TCVN 8975:2011 (EN 14152 : 2003, đính chính kỹ thuật 2005) về Thực phẩm - Xác định vitamin B2 bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) 35. TCVN 8674:2011 (ISO 14565:2000) về thức ăn chăn nuôi – Xác định hàm lượng vitamin A – Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao 36. TCVN 11670:2016 về Thức ăn công thức dành cho trẻ sơ sinh và sản phẩm dinh dưỡng dành cho người lớn - Xác định vitamin A - Phương pháp sắc ký lỏng siêu hiệu năng (UPLC) sử dụng detector UV 37. TCVN 11672:2016 về Sữa công thức dành cho trẻ sơ sinh - Xác định vitamin C (axit ascorbic dạng khử) - Phương pháp chuẩn độ bằng 2,6 - dichloroindophenol 38. TCVN 5164:2008 (EN 14122:2003) về thực phẩm - xác định vitamin B1 bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) 39. TCVN 7787:2007 (ISO 14892 : 2002) về Sữa bột gầy - Xác định hàm lượng vitamin D bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao 40. TCVN 9513:2012 (EN 14663:2005) về Thực phẩm - Xác định vitamin B6 (bao gồm các dạng glycosyl) bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) 41. TCVN 8972-1:2011 (EN 12823-1 : 2000) về Thực phẩm - Xác định vitamin A bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao – Phần 1: Xác định 13-cis-retinol và tất cả các đồng phân trans-retinol 42. TCVN 8973:2011 (EN 12821 : 2009) về Thực phẩm - Xác định vitamin D bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao - Xác định cholecalciferol (D3) hoặc ergocalciferol (D2) 43. TCVN 8972-2:2011 (EN 12823-2 : 2000) về Thực phẩm - Xác định vitamin A bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao – Phần 2: Xác định β-caroten 44. TCVN 7081-1:2010 (ISO 12080-1:2009/IDF 142-1:2009) về Sữa bột gầy – Xác định hàm lượng vitamin A – Phần 1: Phương pháp so màu 45. TCVN 7081-2:2010 (12080-1:2009/IDF 142-2:2009) về Sữa bột gầy – Xác định hàm lượng vitamin A – Phần 2: Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao 46. TCVN 8276:2010 (EN 12822 : 2000) về thực phẩm - Xác định hàm lượng vitamin E bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao - Định lượng anpha-, beta-, gamma- và sixma-tocopherol 47. TCVN 7081-2:2002 về Sữa bột gầy – Xác định hàm lượng vitamin A – Phần 2: Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao

Vị trí việc làm tuyển dụng	Đơn vị tuyển dụng	Tài liệu ôn tập
		48. TCVN 5164:1990 về lương thực - phương pháp xác định hàm lượng Vitamin B1 (thiamin) 49. TCVN 4715:1989 về đồ hộp rau quả - phương pháp xác định hàm lượng vitamin C (Axit Ascorbic) 50. TCVN 7081-1:2002 (ISO 12080 – 1:2000) về sữa bột gầy - xác định hàm lượng vitamin A - phần 1: phương pháp so màu 51. TCVN 9723:2013 (ISO 20481:2008) về Cà phê và sản phẩm cà phê- Xác định hàm lượng cafein bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) - Phương pháp chuẩn 52. TCVN 9744:2013 (ISO 10727:2002) về Chè và chè hòa tan dạng rắn - Xác định hàm lượng cafein - Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao
Nghiên cứu viên	Khoa Nghiên cứu và phát triển	1. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11062:2016 về Thực phẩm chức năng - Xác định hàm lượng coenzym Q10 bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (AOAC 2008.07 Coenzyme Q10 content in raw materials and dietary supplements. High-performance liquid chromatography-UV); 2. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13292:2021 về Nguyên liệu và thực phẩm bảo vệ sức khỏe chứa nghệ vàng (Curcuma longa) - Xác định hàm lượng Curcuminoid bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao sử dụng detector UV-Vis (AOAC 2016.16 Curcuminoids in turmeric raw materials and dietary supplements Liquid. Chromatography with UV-VIS detection); 3. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13281:2021 về Thực phẩm - Xác định hàm lượng Fructan (AOAC 999.03 Measurement of fructan in food. Enzymatic/spectrophotometric method) 4. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5268:2008 về Mật ong - Xác định hoạt lực diastaza (AOAC 958.09 Diastatic activity of honey) 5. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8678:2011 (ISO 30024:2009) về Thức ăn chăn nuôi – xác định hoạt độ phytaza 6. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11064:2016 về Thực phẩm chức năng - Xác định hàm lượng Flavonol aglycone - phương pháp bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao (AOAC 2006.07 Flavonol aglycones in ginkgo biloba dietary supplement crude materials and finished products. High-performance liquid chromatography); 7. Dược điển Hoa Kỳ USP 43 – NF 38 chuyên luận Alpha lipoic acid (tablets, capsules) 8. Dược điển Hoa Kỳ USP 43 – NF 38 chuyên luận Milk Thistle (tablets, capsules) 9. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11063:2016 về Thực phẩm chức năng - Xác định tổng hàm lượng Isoflavon đậu tương bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (AOAC 2008.03 Total soy Isoflavones in dietary supplements, supplement ingredients, and soy foods. High-performance liquid chromatography with ultraviolet detection).

Vị trí việc làm tuyển dụng	Đơn vị tuyển dụng	Tài liệu ôn tập
Trợ lý nghiên cứu	Khoa Kim loại và vi khoáng	1. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9525:2018 Thực phẩm - Xác định các nguyên tố vết - phân hủy mẫu bằng áp lực 2. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11489:2016 Thực phẩm - Xác định các nguyên tố vết và hợp chất hóa học của chúng - xem xét chung và các yêu cầu cụ thể 3. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10912:2015 (EN 15763:2009) Thực phẩm - Xác định các nguyên tố vết - Xác định asen, cadimi, thủy ngân và chì bằng đo phổ khối lượng plasma cảm ứng cao tần (ICP-MS) sau khi phân hủy bằng áp lực 4. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13450:2021 Chất lượng nước - Xử lý sơ bộ mẫu để phân tích kim loại
Trợ lý nghiên cứu	Khoa Độc học và dị nguyên	Các lý thuyết và thực hành kỹ thuật xử lý mẫu và phân tích mẫu, liên quan đến các nội dung sau: 1. Xử lý mẫu sơ bộ 2. Đồng nhất mẫu phù hợp với yêu cầu phân tích 3. Bảo quản mẫu sau đồng nhất 4. Xử lý mẫu: Chiết dung môi, Chiết lỏng lỏng, lọc mẫu, hoàn nguyên (Tài liệu các phương pháp xử lý mẫu trong phân tích thực phẩm) 5. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8009:2009 Rượu chưng cất - xác định hàm lượng aldehyt 6. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8008:2009 Rượu chưng cất - xác định độ cồn
Trợ lý nghiên cứu	Khoa Dinh dưỡng và phụ gia thực phẩm	1. TCVN 8900-2:2012 về Phụ gia thực phẩm - Xác định các thành phần vô cơ - Phần 2: Hao hụt khối lượng khi sấy, hàm lượng tro, chất không tan trong nước và chất không tan trong axit 2. TCVN 8900-1:2012 về Phụ gia thực phẩm - Xác định các thành phần vô cơ - Phần 1: Hàm lượng nước (Phương pháp chuẩn độ Karl Fischer) 3. TCVN 6470:2010 về Phụ gia thực phẩm - Phương pháp thử đối với các chất tạo màu 4. TCVN 11593:2016 về Phụ gia thực phẩm - Canxi cyclamat 5. TCVN 11592:2016 về Phụ gia thực phẩm - Natri cyclamat 6. QCVN 4-25:2020/BYT về Phụ gia thực phẩm Natri cyclamat 7. QCVN 4-24:2020/BYT về Phụ gia thực phẩm Calci cyclamat 8. QCVN 4-31:2020/BYT về Phụ gia thực phẩm muối aspartam-acesulfam 9. TCVN 11591:2016 về Phụ gia thực phẩm - Muối aspartam-acesulfam 10. QCVN 4-26:2020/BYT về Phụ gia thực phẩm Calci saccharin 11. QCVN 4-27:2020/BYT về Phụ gia thực phẩm Kali saccharin 12. QCVN 4-28:2020/BYT về Phụ gia thực phẩm Natri saccharin

Vị trí việc làm tuyển dụng	Đơn vị tuyển dụng	Tài liệu ôn tập
		13. TCVN 11594:2016 về Phụ gia thực phẩm - Sacarin 14. TCVN 11595:2016 về Phụ gia thực phẩm - Natri sacarin 15. TCVN 11596:2016 về Phụ gia thực phẩm - Canxi sacarin 16. TCVN 6463:2008 về phụ gia thực phẩm - Kali sacarin 17. TCVN 11590:2016 về Phụ gia thực phẩm - Aspartam 18. QCVN 4-31:2020/BYT về Phụ gia thực phẩm muối aspartam-acesulfam 19. TCVN 11591:2016 về Phụ gia thực phẩm - Muối aspartam-acesulfam 20. QCVN 4-10:2010/BYT về phụ gia thực phẩm - phẩm màu 21. TCVN 6462:1998 về phụ gia thực phẩm - Phẩm màu Erythrosin 22. TCVN 6456:1998 về phụ gia thực phẩm - phẩm màu xanh brilliant FCF 23. TCVN 6457:1998 về phụ gia thực phẩm - Phẩm màu Amaranth 24. TCVN 6458:1998 về phụ gia thực phẩm - Phẩm màu Ponceau 4 R 25. TCVN 6455:1998 về phụ gia thực phẩm - phẩm màu vàng mặt trời lặn FCF 26. TCVN 6454:1998 (JECFA số 31/1 - 1984) về Phụ gia thực phẩm - Phẩm màu Tatratin 27. TCVN 10626:2015 về Phụ gia thực phẩm - Axit benzoic 28. TCVN 10630:2015 về Phụ gia thực phẩm - Axit sorbic
Chuyên viên về quản trị công sở	Phòng Kế hoạch, Vật tư và Công nghệ thông tin	1. Luật Hóa chất ngày 21/11/2007 (Luật số 06/2007/QH12) 2. Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015 (Luật số 83/2015/QH13) 3. Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017 (Luật số 15/2014/QH14) 4. Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023 (Luật số 22/2023/QH15) 5. Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu. 6. Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 7. Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất 8. Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về Quản lý trang thiết bị y tế 9. Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu

Vị trí việc làm tuyển dụng	Đơn vị tuyển dụng	Tài liệu ôn tập
		10. Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia 11. Thông tư số 80/2025/TT-BTC ngày 08/8/2025 của Bộ Tài chính quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu 12. Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị
Cán sự về hành chính – văn phòng	Trung tâm Dịch vụ khoa học kỹ thuật	1. Luật Viên chức ngày 15/11/2010. 2. Luật số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức. 3. Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về Công tác văn thư. 4. Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về Đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức. 5. Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.